

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2018/HS-ST
Ngày 05 - 6 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Tuân

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại Nhà văn hóa xã H, huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2018/TLST- HS ngày 20 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Thế N – sinh năm 1986, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn H1, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thế T và bà Nguyễn Thị D; vợ: Nguyễn Thị Kim L, có 01 con, sinh năm 2009; tiền sự: Không; tiền án, nhân thân: Bản án số 86/2009/HSST ngày 10 tháng 11 năm 2009 của Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 36 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (đã được xóa án); Bản án số 09/2016/HSST ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 27 tháng 01 năm 2017); bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 05 tháng 12 năm 2017, tạm giam ngày 08 tháng 12 năm 2017; có mặt tại phiên toà.

- Những người làm chứng: Ông Lê Văn V, anh Trương Văn L1, anh Cao Thùy D1; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 45 ngày 05 tháng 12 năm 2017, tổ công tác – Công an huyện A kết hợp với Công an xã H tiến hành kiểm tra, bắt quả tang Phạm Thế N đang có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Cao Thùy D1 và Trương Văn L1 tại nhà của Phạm Thế N ở thôn H1, xã H, huyện A. Cơ quan Công an đã thu giữ trong túi áo bên phải của L1 01 túi nilon chứa chất tinh thể màu trắng, L1 khai là ma túy vừa mua của N (mẫu 01QT); thu trong túi quần trước bên phải của D1 01 túi nilon trong chứa chất tinh thể màu trắng, D1 khai là ma túy vừa mua của N (mẫu 02QT); thu giữ trên mặt tủ nhựa cạnh giường ngủ số tiền 200.000đ, thu giữ trong túi quần sau bên phải của N số tiền 200.000đ, là số tiền D1 và L1 vừa trả cho N; thu giữ trong ví da để trong túi quần sau bên phải của N một túi nilon chứa tinh thể màu trắng (mẫu 03QT).

Tiến hành khám xét khẩn cấp, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện A đã thu giữ:

Dưới đệm góc bên phải phía cuối giường tại gian phòng ngoài có 08 túi nilon bên trong mỗi túi đều chứa tinh thể màu trắng (mẫu 01KX)

Tại khe đầu giường bên phải gian phòng ngoài 01 túi nilon màu đen bên trong có 01 cân tiểu ly màu nâu, số tiền 200.000đ và 20 túi nilon màu trắng kích thước trung bình mỗi túi 1,5 x 2cm, bên trong các túi không có gì.

Tại kết luận giám định số 1148/KLGD ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận:

- Mẫu tinh thể (mẫu 01QT) gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 0,1446gam, là loại Methamphetamine;

- Mẫu tinh thể (mẫu 02QT) gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 0,1217gam, là loại Methamphetamine;

- Mẫu tinh thể (mẫu 03QT) gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 0,1356gam, là loại Ketamine;

- Mẫu tinh thể (mẫu 01KX) gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 1,5696gam, là loại Methamphetamine.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thế N khai nhận: Do bản thân nghiện ma túy nên khoảng 10 giờ ngày 05 tháng 12 năm 2017, bị cáo đi xe buýt đến khu vực đường tàu nội thành Hải Phòng mua của một người đàn ông tên T1 (khoảng 40 tuổi, bị cáo không biết địa chỉ, lai lịch của T1) 1.200.000đ ma túy đá và 300.000đ Ketamine, tổng cộng là 1.500.000đ. Về nhà, bị cáo chia nhỏ số ma túy đá thành 10 túi để tiện sử dụng và nếu có ai mua sẽ bán với giá 200.000đ/túi; số Ketamine, bị cáo sử dụng hết 1/3, số còn lại nếu có người hỏi mua bị cáo sẽ bán với giá 400.000đ. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, có Cao Thùy D1 tới hỏi mua 01 gói ma túy đá với giá 200.000đ, bị cáo đồng ý bán cho D1 nên đã nhận của

D1 200.000đ và lấy 01 gói ma túy đang cầm trên tay đưa cho D1. Ngay sau đó, Trương Văn L1 vào hỏi mua 01 gói ma túy đá với giá 200.000đ, N đồng ý bán cho L1 nên đã nhận tiền của L1 để trên mặt tủ nhựa rồi lấy 01 gói để ở dưới đệm phía cuối giường ngủ đưa cho L1. Khi vừa bán ma túy cho D1, L1 xong thì bị lực lượng Công an bắt quả tang và thu giữ vật chứng như đã nêu ở trên. Ma túy thu giữ trong túi quần của D1 và trong túi áo của L1 là ma túy bị cáo đã bán trước đó cho D1, L1. Số tiền 600.000đ đã thu giữ có 400.000đ là tiền có được do bán ma túy cho D1, L1, số còn lại là tiền của cá nhân bị cáo.

Công bố lời khai những người làm chứng đã khai có nội dung như đã nêu trên

Tại Cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo Phạm Thế N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thay đổi một phần quyết định truy tố về điều luật áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Phạm Thế N từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Phạt bổ sung bị cáo từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ để sung vào công quỹ nhà nước

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ các điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định;

Tịch thu tiêu hủy 01 cân tiểu ly màu nâu, 20 túi nilon nhỏ màu trắng

Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước số tiền 400.000đ đã thu giữ trong vụ án

Trả lại cho bị cáo số tiền 200.000đ đã thu giữ trong vụ án nhưng tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án dân sự của bị cáo.

Trả lại cho bị cáo 01 ví da màu nâu

Khi nói lời nói sau cùng, bị cáo Phạm Thế N đã ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về chứng cứ xác định có tội:

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang do Công an huyện A lập vào hồi 13 giờ 35 phút ngày 05 tháng 12 năm 2017, phù hợp với Bản kết luận giám định số 1148/KLGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an thành phố Hải Phòng, phù hợp với lời khai những người làm chứng; phù hợp với vật chứng đã được thu giữ, kết hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận bị cáo Phạm Thế N đã có hành vi bán trái phép Methamphetamine cho Cao Thùy D1 và Trương Văn L1, tổng trọng lượng Methamphetamine là 0,2663g.

[3] Theo Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính Phủ thì Methamphetamine có số thứ tự 67 thuộc danh mục II - Danh mục các chất ma túy.

[4] Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội, gây nguy hiểm cho xã hội. Như vậy, hành vi mua bán Methamphetamine trái phép nhằm mục đích kiếm lời của bị cáo đã phạm vào tội: “ Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Xét tình tiết định khung hình phạt:

[5] Lượng ma túy bị cáo Phạm Thế N tàng trữ nhằm mục đích bán kiếm lời là 0,1356gam Ketamine và 1,8359gam Methamphetamine, được quy đổi dưới 100% khối lượng các chất ma túy được quy định tại một trong các điểm từ điểm g đến hết điểm n khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 nhưng bị cáo đã có hành vi hai lần bán trái phép chất ma túy cho Trương Văn L1 và Cao Thùy D1 với tổng trọng lượng Methamphetamine là 0,2663g nên hành vi của bị cáo đã vi phạm điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 “Phạm tội nhiều lần”.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm phạm tội:

[6] Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng; việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy không chỉ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, trí lực của con người, mà từ ma túy đã làm phát sinh nhiều tội phạm khác và là một trong những nguyên nhân làm lan truyền căn bệnh HIV/AIDS, là hiểm họa đối với mọi gia đình và xã hội. Chính vì vậy, đối với hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[7] Tại bản án số 86/2009/HSST ngày 10 tháng 11 năm 2009 của Tòa án nhân dân huyện A đã xử phạt bị cáo 36 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong phần quyết định của bản án này nên theo quy định của pháp luật bị cáo đã được xóa án. Tại bản số 09/2016/HSST ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xử phạt bị cáo 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 27 tháng 01 năm 2017 nên lần phạm tội này là “tái phạm”. Vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[8] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn; tỏ ra ăn năn, hối cải nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Về hình phạt bổ sung:

[9] Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 người phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ để sung vào công quỹ nhà nước. Xét hoàn cảnh gia đình, tính chất mức độ tội phạm do bị cáo thực hiện nên phạt bị cáo 10.000.000đ để sung vào công quỹ nhà nước.

- Về vật chứng, xử lý vật chứng:

[10] Trong vụ án, Cơ quan Điều tra đã thu giữ của Cao Thùy D1 01 túi nilon bên trong chứa Methamphetamine, thu giữ của Trương Văn L1 01 túi nilon bên trong chứa Methamphetamine, thu giữ của bị cáo 01 túi nilong bên trong chứa Ketamine và 08 túi nilon bên trong chứa Methamphetamine, số tiền 600.000đ, 01 cân tiểu ly màu nâu, 20 túi nilon nhỏ màu trắng và 01 ví da màu nâu.

[11] Xét thấy số ma túy còn lại sau giám định thu giữ của bị cáo, Trương Văn L1 và Cao Thùy D1 là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[12] Đối với 01 cân tiểu ly, 20 túi ni lon là công cụ, phương tiện phạm tội, có giá trị sử dụng không lớn nên cần tịch thu tiêu hủy.

[13] Đối với 01 ví da màu nâu là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội và bị cáo có yêu cầu được nhận lại nên trả lại cho bị cáo.

[14] Trong số tiền 600.000đ thu giữ của bị cáo có 400.000đ là tiền bị cáo do phạm tội mà có nên tịch thu sung vào công quỹ nhà nước

[15] Đối với số tiền 200.000đ còn lại thu của Phạm Thế N là tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo.

- Về những vấn đề khác:

[16] Đối với Trương Văn L1, Cao Thùy D1 có hành vi mua trái phép chất ma túy nhưng lượng ma túy tàng trữ của Cao Thùy D1 là 0,1217gam Methamphetamine, của Trương Văn L1 là 0,1446gam Methamphetamine, Trương Văn L1 và Cao Thùy D1 chưa có tiền án về tội mua bán, tàng trữ, vận chuyển hoặc chiếm đoạt trái phép chất ma túy nên Công an huyện A đã ra quyết định xử lý hành chính và thông báo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục.

[17] Đối với người đàn ông tên T1 là người N khai đã bán ma túy cho N do chưa xác định được lai lịch, tên tuổi địa chỉ nên tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[18] Về án phí: Theo quy định của pháp luật bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Phạm Thế N 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 05 tháng 12 năm 2017.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Thế N 10.000.000đ để sung vào công quỹ nhà nước

- Về xử lý vật chứng:

Căn cứ các điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư dán kín niêm phong, trong chứa ma túy còn lại sau giám định cùng toàn bộ vỏ bao gói của 04 mẫu vật;

Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước số tiền 400.000đ trong số tiền 600.000đ đã thu giữ trong vụ án

Tịch thu tiêu hủy 01 cân tiểu ly màu nâu; 20 túi nilon nhỏ màu trắng, bên trong không có gì;

Trả lại cho bị cáo 01 ví da màu nâu;

Trả lại cho bị cáo 200.000đ trong số tiền 600.000đ đã thu giữ trong vụ án nhưng tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án dân sự của bị cáo.

(Toàn bộ số vật chứng trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện A quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Công an huyện A và Chi cục thi hành án dân sự huyện A).

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Bị cáo Phạm Thế N phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân T.p Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện A;
- Công an huyện A; Phòng PV 27 CATP;
- Phòng PC 81 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án huyện A;
- UBND xã, phường nơi cư trú của bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Thạch